

Số: 367/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 04 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng ở cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tỉnh tại Tờ trình số 46/TTr-SNV ngày 28/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch Đầu tư, Tài nguyên Môi trường, Công thương, Cục thuế, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Lãnh đạo VP;
- Sở Nội vụ (3 bản);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NLN, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

ĐIỀU LỆ

Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 367/QĐ-UBND ngày 04/02/2016
của UBND tỉnh Lào Cai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP) và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2010/NĐ-CP).

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước, đồng thời hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Quỹ trực thuộc UBND tỉnh Lào Cai được thành lập theo Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Lào Cai

2. Vốn ban đầu của Quỹ: 5.000.000.000 đồng.

3. Trụ sở: Khối 8, Tòa nhà số 2, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai; số điện thoại liên hệ 0203.858.200, Fax: 0203.858.223.

4. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai.

5. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Lao Cai Forest Protection and Development Fund (Lao Cai FPDF).

6. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập Quỹ:

a) Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng;

b) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng;

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn nhà nước cấp ban đầu;

b) Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư;

c) Phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của cấp tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

Theo Điều 6, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Điều 17, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Phối hợp với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng (bên phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) xác định số tiền phải chi trả của từng đối tượng sử dụng dịch vụ theo kỳ thanh toán trên địa bàn.

2. Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, xác định trách nhiệm của mỗi bên trong việc chi trả và sử dụng dịch vụ môi trường rừng, là căn cứ để giám sát, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của mỗi bên trong việc chi trả và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3. Tiếp nhận tiền ủy thác của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam chuyển đến và tiền chi trả từ bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trực tiếp chuyển đến Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

4. Thực hiện việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng trên cơ sở số lượng và chất lượng của chủ rừng có xác nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với chủ rừng là tổ chức); có xác nhận của cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ định (đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn) và chi trả tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng theo đề nghị của các chủ rừng có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra các chủ rừng trong việc cung ứng dịch vụ môi trường rừng, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng, kiểm tra việc nộp tiền chi trả của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

6. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh hàng năm.

Chương III

NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ.

1. Ngân sách nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập.
2. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.
3. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.
4. Tiền ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước hợp đồng ủy thác;
5. Tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định 99/2010/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn;
6. Kinh phí các chương trình, dự án có quy định hoàn trả nộp Quỹ;
7. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương;
8. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các nội dung được hỗ trợ:

Tùy theo điều kiện cụ thể của Quỹ, nội dung các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được xem xét, hỗ trợ bao gồm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

b) Thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững;

c) Hỗ trợ kinh phí để chống chặt, phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép;

d) Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới;

đ) Hỗ trợ trồng cây phân tán;

e) Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;

g) Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở;

h) Thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy thác.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Điều 7 Điều lệ này và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

2. Đối tượng và danh mục ưu tiên được hỗ trợ tài chính của Quỹ

a) Đối tượng được hỗ trợ tài chính của Quỹ là tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án: trồng rừng; bảo vệ môi trường rừng; phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường rừng trên địa bàn tỉnh. Đối tượng được hỗ trợ tài chính phải đáp ứng các quy định cho từng phương thức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

b) Danh mục ưu tiên hỗ trợ tài chính của Quỹ bao gồm:

- Dự án trồng rừng; bảo vệ môi trường rừng; phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

- Dự án đầu tư ứng dụng hoặc nghiên cứu thử nghiệm thuộc Chương trình hành động bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011-2020.

- Dự án nghiên cứu triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố về môi trường rừng.

- Các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức môi trường rừng và phát triển bền vững chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng thuộc tỉnh Lào Cai.

- Các chương trình thu hút, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ.

- Các dự án, chương trình, hoạt động và nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai quyết định hỗ trợ tài chính phù hợp với từng thời kỳ.

Điều 10. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tài trợ cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau:

a) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển môi trường rừng; phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường rừng cho cộng đồng; khen thưởng; phổ cập các nội dung chương trình bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP;

b) Các dự án xây dựng – thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường rừng; giao rừng cho cộng đồng theo các phương án, đề án được phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;

d) Đào tạo, chuyển giao công nghệ bảo vệ và phát triển rừng; môi trường rừng các giải pháp phòng tránh, hạn chế và khắc phục sự cố hủy hoại môi trường rừng.

2. Quỹ được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đồng tài trợ chính cho các nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; môi trường rừng theo quy định và phù hợp với cam kết của phía đồng tài trợ.

3. Quỹ được sử dụng tối đa 30% vốn sử dụng hàng năm để tài trợ và đồng tài trợ.

4. Mức vốn tài trợ không hoàn lại tối đa bằng 50% tổng chi phí để thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường của dự án xin tài trợ.

Danh mục, mức tài trợ cho các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, môi trường rừng hàng năm do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Điều 11. Nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác;

b) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

a) Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện các nội dung ủy thác theo hợp đồng ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 12. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành.

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 11 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm.

b) 02 Phó Chủ tịch Hội đồng:

- Phó Chủ tịch Thường trực do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm;

- 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chuyên trách là Giám đốc Quỹ;

c) Các thành viên: Là đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Cục thuế, Kho bạc tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch. Các thành viên Hội đồng Quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán tài vụ; thủ quỹ của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do UBND tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành các loại Quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.

6. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo Quy chế hoạt động của Quỹ, nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này;

c) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

Thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Thành viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một ủy viên khác được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch

vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên UBND tỉnh Lào Cai.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các thành viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 17. Tổ chức Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của Bộ máy điều hành Quỹ. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ.

3. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tổ tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

d) Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ;

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính;

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ;

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 20. Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc quỹ điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách

nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về phần việc được phân công.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

Điều 21. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về phần việc được giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

Điều 22. Bộ máy điều hành

1. Bộ máy điều hành:

Tổ chức bộ máy điều hành Quỹ, gồm:

- Ban Giám đốc, gồm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.
- Kế toán trưởng.
- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ: Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. Lãnh đạo các bộ phận nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật.

2. Bộ máy điều hành do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

3. Lãnh đạo của bộ máy điều hành do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật.

4. Lãnh đạo của bộ máy điều hành và công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

5. Việc tuyển dụng, quản lý sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, viên chức của Quỹ được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế hoạt động của Quỹ, phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Ban điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Ban điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Chương V **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

Điều 24. Chế độ tài chính, kế toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Chương VI **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

Điều 25. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 26. Tổ chức lại, giải thể

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 27. Tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị thuộc Quỹ

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng, ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.
2. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết quả hoạt động, nếu có vướng mắc phát sinh, Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong